

Bản án số: 99/2026/HS-ST

Ngày: 12-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Duy và bà Nguyễn Thị Quyên;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên;

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thảo Yên, Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2026/TLST-HS ngày 29/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-HS ngày 29/5/2026 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Đ**(tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/8/1995 (CMND/CCCD: 033095012196); nơi cư trú: thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1964 và con bà Doãn Thị B, sinh năm 1968; Vợ: Trần Thị H, sinh năm 2005; con: Có 01 con, sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/10/2016 bị C an huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, xử phạt số tiền 750.000 đồng (đã nộp phạt ngày 01/11/2016); tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên. (có mặt)

*** Người làm chứng:**

+ Chị Phạm Bích T, sinh năm 1988; (vắng mặt)

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 2005; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1995, nơi thường trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên là lao động tự do nên có tiết kiệm được một khoản tiền. Khoảng đầu năm 2025, do hám lợi nên Đ đã cho anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1993, ở thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên vay tiền với mức lãi suất dao động từ 2.250 đồng/1triệu/1ngày (82.125 %/1 năm) đến 3.340 đồng/1triệu/1ngày (121.91%/1 năm). Mức lãi suất của các khoản vay thì giữa Đ và anh C chỉ thỏa thuận miệng với

nhau và tùy theo số lượng tiền vay thì Đ sẽ tính lãi suất ở mức khác nhau. Hai bên thỏa thuận, việc thu tiền lãi và trả tiền lãi tính theo ngày, cụ thể: Nếu vay lãi trong ngày thì được tính là một ngày, còn nếu ngày hôm sau trả lãi thì được tính là hai ngày. Nếu vay theo tháng mà tháng có 31 ngày thì được Đ tính tròn 30 ngày lãi. Việc Đ cho C vay lãi nặng chỉ thỏa thuận bằng miệng, trao đổi tin nhắn qua điện thoại di động và việc vay tiền, trả lãi được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Đ sử dụng tài khoản số 4650581196 ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) mang tên NGUYEN HUU D. C sử dụng hai tài khoản số 0973047511 ngân hàng MB tỉnh Hưng Yên, tài khoản số 107868622147 ngân hàng Viettinbank đều mang tên NGUYEN THANH C và tài khoản số 1988686688 ngân hàng Techcombank mang tên PHAM BICH T (vợ của C).

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/3/2025 đến ngày 19/12/2025 Đ đã cho C vay tiền, tổng cộng 10 lần vay. Cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 02/03/2025 dương lịch, Đ cho anh C vay số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày (109,5%/năm), không thỏa thuận về thời hạn vay. Đến ngày 04/3/2025, anh C đã trả cho Đ số tiền lãi 900.000 đồng (tính từ ngày 02/3/2025 đến ngày 04/3/2025 là 03 ngày) và cho thêm Đ 100.000 đồng (không tính là trả lãi).

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%: $365 \text{ ngày} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ ngày} = 164.383 \text{ đồng}$. Số tiền Đ thu lợi bất chính từ việc cho anh C vay từ ngày 02/3/2025 đến 04/3/2025 là 900.000 đồng – 164.383 đồng = 735.617 đồng.

Số tiền gốc 100.000.000 đồng anh C chưa trả cho Đ; Số tiền lãi 1.000.000 đồng anh C chưa trả cho Đ mà khấu trừ ở khoản vay sau đó.

Lần thứ 2: Ngày 04/3/2025 dương lịch, Đ cho anh C vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 3.272 đồng/1.000.000 đồng/ngày (119,454%/năm). Sau khi khấu trừ lãi của khoản vay ngày 02/3/2025 và số tiền anh C cho thêm thì Đ chuyển cho anh C số tiền 99.000.000 đồng. Đến ngày 14/3/2025, anh C chuyển khoản cho Đ số tiền 207.200.000 đồng gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 7.200.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 04/3/2025 đến ngày 14/3/2025 là 11 ngày).

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%: $365 \text{ ngày} \times 200.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ ngày} = 1.205.479 \text{ đồng}$. Số tiền Đ thu lợi bất chính từ việc cho anh C vay từ ngày 04/3/2025 đến 14/3/2025 là 7.200.000 đồng – 1.205.479 đồng = 5.994.521 đồng.

Số tiền gốc 200.000.000 đồng anh C đã trả cho Đ; Số tiền lãi 7.200.000 đồng anh C đã trả cho Đ.

Lần thứ 3: Ngày 28/03/2025 dương lịch, Đ cho C vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (109,5%/năm). Ngày 31/3/2025 anh C đã trả cho Đ 600.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 28/3/2025 đến 31/3/2025 là 04 ngày).

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%: $365 \text{ ngày} \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ ngày} = 109.589 \text{ đồng}$. Số tiền Đ thu lợi bất chính từ việc cho

anh C vay từ ngày 28/3/2025 đến 31/3/2025 là 600.000 đồng – 109.589 đồng = 490.411 đồng.

Số tiền gốc 50.000.000 đồng anh C chưa trả cho Đ; Số tiền lãi 600.000 đồng anh C chưa trả cho Đ mà khấu trừ ở khoản vay sau đó.

Lần thứ 4: Ngày 31/03/2025 dương lịch, Đ cho anh C vay số tiền là 50.000.000 đồng với lãi suất là 3.250 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương ứng 118,625%/năm), sau khi khấu trừ 600.000 đồng tiền lãi ở lần vay 3, Đ chuyển khoản cho C số tiền 49.400.000 đồng.

Số tiền gốc 50.000.000 đồng anh C chưa trả cho Đ;

Lần thứ 5: Tối ngày 31/03/2025 dương lịch, Đ cho anh C vay số tiền là 100.000.000 đồng, với lãi suất là 3.250 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương ứng 118,625%/năm). Ngày 09/04/2025 anh C chuyển khoản trả Đ số tiền gốc 200.000.000 đồng và 6.500.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 31/3/2025 đến ngày 09/4/2025 là 10 ngày).

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%: 365 ngày x 200.000.000 đồng x 10 ngày = 1.095.890 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính từ việc cho anh C vay từ ngày 31/3/2025 đến 09/4/2025 là 6.500.000 đồng – 1.095.890 đồng = 5.404.110 đồng.

Số tiền gốc 200.000.000 đồng anh C đã trả cho Đ; Số tiền lãi 6.500.000 đồng anh C đã trả cho Đ.

Lần thứ 6: Ngày 16/04/2025 dương lịch, Đ cho anh C vay số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 3.333 đồng/1.000.000 đồng/ngày (121,65%/năm). Ngày 16/5/2025 và ngày 16/6/2025 C trả lãi cho Đ mỗi tháng 20.000.000 đồng, tương ứng 30 ngày lãi. Ngày 19/6/2025, anh C trả cho Đ số tiền lãi 2.560.000 đồng (tính từ ngày 16/6/2025 đến 19/6/2025 là 04 ngày).

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%: 365 ngày x 200.000.000 đồng x 64 ngày = 7.013.698 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính từ việc cho anh C vay từ ngày 16/4/2025 đến 19/6/2025 là 42.560.000 đồng – 7.013.698 đồng = 35.546.302 đồng.

Số tiền gốc 200.000.000 đồng anh C đã trả cho Đ 150.000.000 đồng; Số tiền lãi 42.560.000 đồng anh C đã trả cho Đ.

Lần thứ 7: Ngày 22/04/2025 dương lịch, Đ cho C vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.333 đồng/1.000.000 đồng/ngày (121,667%/năm). Ngày 22/4/2025 đến ngày 22/5/2025 (tương ứng 30 ngày lãi), anh C chuyển trả cho Đ 5.000.000 đồng tiền lãi. Tính từ ngày 22/5/2025 đến ngày 19/6/2025 là 29 ngày), anh C chuyển cho Đ 4.640.000 đồng tiền lãi.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%: 365 ngày x 50.000.000 đồng x 59 ngày = 1.616.438 đồng. Số tiền Đ thu lợi bất chính từ việc cho anh C vay từ ngày 22/4/2025 đến 19/6/2025 là 9.640.000 đồng – 1.616.438 đồng = 8.023.562 đồng.

Số tiền gốc 50.000.000 đồng anh C chưa trả cho Đ; Số tiền lãi 9.640.000 đồng anh C đã trả cho Đ.

Lần thứ 8: Ngày 22/06/2025 dương lịch, Đcho anh C vay số tiền 100.000.000 đồng, Đtính tiền lãi của số tiền vay 100.000.000 đồng tính từ ngày 19/06/2025 đến ngày 22/06/2025 là 04 ngày tính tiền lãi là 900.000 đồng (tương ứng lãi suất 2.250 đồng/triệu/ngày). Đtrừ số tiền trên và chuyển khoản cho anh C số tiền vay tiếp là 99.100.000 đồng. Tổng cộng lúc này anh C đang nợ Đsố tiền gốc 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3.152 đồng/1.000.000 đồng/01ngày (115,05%/năm) tính từ ngày 22/6/2025, khi nào anh C có thì trả Đvà Đtính theo lãi ngày. Ngày 14/7/2025 anh C trả cho Đsố tiền gốc 100.000.000 đồng và 14.500.000 đồng tiền lãi, tương ứng 23 ngày (từ ngày 22/6/2025 đến ngày 14/7/2025).

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%: $365 \text{ ngày} \times 200.000.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ ngày} = 2.520.547 \text{ đồng}$. Số tiền Đthu lợi bất chính từ việc cho anh C vay từ ngày 22/6/2025 đến 14/7/2025 là 14.500.000 đồng – 2.520.547 đồng = 11.979.453 đồng.

Số tiền gốc 100.000.000 đồng anh C chưa trả cho Đ; Số tiền lãi 14.500.000 đồng anh C đã trả cho Đ.

Lần thứ 9: Ngày 19/7/2025 dương lịch, Đcho anh C vay số tiền 100.000.000 đồng. Đtính tiền lãi của số tiền vay 100.000.000 đồng từ ngày 14/7/2025 đến ngày 19/7/2025 tương ứng 06 ngày tiền lãi là 1.500.000 đồng, lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày (91,25%/năm). Đtrừ số tiền trên và chuyển cho anh C số tiền 98.500.000 đồng. Đvà anh C thỏa thuận tính từ ngày 19/7/2025 số tiền anh C còn đang nợ Đlà 200.000.000 đồng. Hai bên tiếp tục thỏa thuận lãi suất hàng tháng là 20.000.000 đồng [tức 3.333 đồng/1.000.000 đồng/ngày (121,667%/năm)] và ấn định trả lãi vào ngày 20 hàng tháng. Ngày 20/8/2025, 20/9/2025 và 22/10/2025 anh C trả cho Đsố tiền lãi mỗi tháng là 20.000.000 đồng. Ngày 26/11/2025 anh C trả cho Đsố tiền lãi 5.000.000 đồng, còn nợ lại 15.000.000 đồng. Đối với các ngày anh C trả chậm lãi thì Đkhông tính lãi đối với ngày trả chậm nhưng vẫn ấn định ngày tính lãi từ ngày 20 hàng tháng.

Tính từ ngày 20/11/2025 đến ngày bị phát hiện 19/12/2025 (30 ngày), C chưa trả tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi cho Đ.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%: $365 \text{ ngày} \times 200.000.000 \text{ đồng} \times 150 \text{ ngày} = 16.438.356 \text{ đồng}$. Số tiền Đthu lợi bất chính từ việc cho anh C vay từ ngày 19/7/2025 đến 19/12/2025 là 100.000.000đồng – 16.438.356 đồng = 83.561.644 đồng.

Lần thứ 10: Ngày 03/10/2025 dương lịch, Đcho anh C vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000.000 đồng một tháng (tương ứng lãi suất 3.333 đồng/triệu/ngày) và ấn định trả lãi vào ngày 03 hàng tháng. Ngày 05/11/2025 anh C trả Đsố tiền lãi 3.400.000 đồng và ngày 10/11/2026 anh C trả Đ1.600.000 đồng. Ngày 5/12/2025 anh C chuyển cho Đsố tiền lãi 2.500.000 đồng, còn nợ lại 2.500.000 đồng.

Tính từ ngày 03/12/2025 đến ngày bị phát hiện 19/12/2025 (17 ngày), C chưa trả cho Đtiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%: $365 \text{ ngày} \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 77 \text{ ngày} = 2.109.589 \text{ đồng}$. Số tiền Đthu lợi bất chính từ việc cho

anh C vay từ ngày 03/10/2025 đến 19/12/2025 là 12.833.410 đồng – 2.109.589 đồng = 10.723.821 đồng.

Như vậy, từ ngày 02/3/2025 đến ngày 19/12/2025 tổng số tiền Nguyễn Hữu Đ đã cho anh C vay là 900.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 162.459.441 đồng, số tiền lãi thực tế đã thu là 154.400.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Hữu Đ tại thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan CSĐT C an tỉnh Hưng Yên không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Đối với 02 khoản tiền lãi anh C trả cho Đ vào ngày 22/06/2025 là 900.000 đồng với lãi suất 2.250 đồng/1 triệu/ 1 ngày (82,125%/năm) và ngày 19/7/2025 là 1.500.000 đồng với lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày (91.25%/năm) chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngày 10/4/2026, Cơ quan CSĐT- C an tỉnh Hưng Yên đã chuyển hồ sơ tin báo về C an xã T để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:

- Ngày 19/12/2025, Nguyễn Hữu Đ giao nộp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 12 Promax, màu xanh (*đã qua sử dụng*), số máy MG953LL/A, số seri G0NF6CVR0D46, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0356096669 của Nguyễn Hữu Đ, liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Đ nên chiếc điện thoại trên là C cụ, phương tiện phạm tội. Vật chứng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng C an tỉnh Hưng Yên.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền thu lợi bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/1 năm, bị cáo Đ chưa trả lại cho anh C.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 135/CT-VKS-KV1 ngày 28/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Đ về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng và tỏ ra ăn năn hối cải.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành C trình bày: Về trách nhiệm hình sự, anh đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự, bị cáo Đ đã trả anh số tiền thu lợi bất chính 129.000.000 đồng nên anh không có yêu cầu, đề nghị gì thêm đối với bị cáo Đ.

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Đề nghị áp dụng: Khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65, điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/ NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn

áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ. Đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Các biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Số tiền gốc 650.000.000 đồng và tiền lãi 25.643.829 đồng theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự quy định để sung quỹ nhà nước; Truy thu của anh C số tiền gốc 250.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước; tịch thu 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 12 Promax, màu xanh (*đã qua sử dụng*) của Nguyễn Hữu Đ để sung quỹ nhà nước. Về án phí: Bị cáo Đ bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành C nhất trí với quan điểm đề nghị của Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên, không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, đơn trình báo và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/3/2025 đến ngày 19/12/2025, bị cáo Nguyễn Hữu Đ với mục đích vụ lợi đã cho anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1993, nơi cư trú: thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên vay với tổng số tiền là 900.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 3.333 đồng/1 triệu đồng/01 ngày (*tức từ 109,5%/năm đến 121.667%/năm*), gấp từ 5-6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 trong Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm); tổng số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính do thu lãi suất vượt quá 20%/01 năm là 162.459.441 đồng. Tại Điều 201 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân

sự thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. 2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm C việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của VKSND khu vực 1 - Hưng Yên truy tố là đúng tội danh, có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng và xâm phạm đến lợi ích tài chính của C dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi cho vay với lãi suất quá cao so với mức quy định của Nhà nước của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Đ.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 20/10/2016 bị Công an huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, xử phạt số tiền 750.000 đồng (đã nộp phạt ngày 01/11/2016).

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã có 02 lần thu lợi bất chính số tiền phạm tội từ 30.000.000 đồng trở lên, đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình đã gây ra, hoàn trả người vay toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; bị cáo được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được Công an xã T xác nhận nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo tuy có nhân thân xấu, ngày 20/10/2016 bị Công an huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền) về hành vi đánh nhau nhưng tính đến nay hết thời hiệu đã lâu; bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú chấp hành tốt quy định tại địa phương; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người biết tuân thủ

pháp luật như quan điểm của Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên đề nghị là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Mặc dù bị cáo cho vay lãi nặng mục đích thu lợi bất chính. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh bị cáo làm lao động tự do, không có công ăn việc làm ổn định, thu nhập thấp và không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền thu lợi bất chính từ việc bị cáo Đ cho anh C vay với mức lãi suất cao vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS mà bị cáo Đ thực tế đã nhận là 128.756.171 đồng. Ngày 28/4/2026 bị cáo Đ đã trả anh C số tiền thu lợi bất chính là 129.000.000 đồng, anh C đã nhận đủ số tiền 129.000.000 đồng và tự nguyện không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo Đ nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền bị cáo Đ trả thừa cho anh C là 243.829 đồng, bị cáo không yêu cầu nhận lại số tiền thừa và tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, xét đây là sự tự nguyện của bị cáo nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Các biện pháp tư pháp:

- Đối với khoản tiền gốc bị cáo Đ cho anh C vay tổng cộng là 10 lần với tổng số tiền là 900.000.000 đồng là công cụ, phương tiện trực tiếp liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Trong đó: anh C đã trả bị cáo Đ số tiền gốc là 650.000.000 đồng nên cần tịch thu số tiền 650.000.000 đồng này của bị cáo Đ để sung quỹ nhà nước; anh C chưa trả bị cáo Đ số tiền gốc 250.000.000 đồng nên cần tịch thu số tiền 250.000.000 đồng này của anh C để sung quỹ nhà nước.

- Đối với tiền lãi 25.643.829 đồng thực tế bị cáo Đ đã thu của anh C theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự quy định (20%/năm) trên khoản tiền gốc, đây là tiền do Đ phạm tội mà có nên sẽ bị tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 12 Promax, màu xanh (*đã qua sử dụng*), số máy MG953LL/A, số seri G0NF6CVR0D46, bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0356096669 của Nguyễn Hữu Đ, liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Đ, chiếc điện thoại trên là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Đối với 02 khoản tiền lãi anh C trả cho Đ vào ngày 22/06/2025 là 900.000 đồng với lãi suất 2.250 đồng/1 triệu/ 1 ngày (82,125%/năm) và ngày 19/7/2025 là 1.500.000 đồng với lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày (91.25%/năm) chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngày 10/4/2026, Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Hưng Yên đã chuyển hồ sơ tin báo về Công an xã T để xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét, xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các khoản 1, 2 và 5 Điều 65, điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ

luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Hữu Đ cho UBND xã T và Công an xã T, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án được cho hưởng án treo.

Các biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải nộp lại số tiền gốc 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi 25.643.829 đồng (hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm hai mươi chín đồng) sung quỹ nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên phải nộp lại số tiền gốc 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 12 Promax, màu xanh (đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu Đ sung quỹ nhà nước

(Tình trạng, đặc điểm các vật chứng được mô tả cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/5/2026 giữa Công an tỉnh Hưng Yên và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- CQ THAHS & Dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Quyền